ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 159 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia *(MTQG)* xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Chương trình hành động số 18-CT/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(sau đây viết tắt là Chương trình)* trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai hiệu quả chủ trương, chính sách, định hướng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh đối với Chương trình.

- Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời hạn, tiến độ, trách nhiệm và sự phối hợp của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trong triển khai thực hiện để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Chương trình phải đồng bộ, phù hợp với định hướng và các mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và tình hình thực tiễn của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, mọi tổ chức và người dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong nhân dân và toàn xã hội; khơi dậy các tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực của toàn xã hội để triển khai thực hiện Chương trình một cách hiệu quả, thiết thực, bền vững.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới *(NTM)* hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, hài hòa với đô thị và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(DTTS&MN)*. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữ gìn, phát huy giá trị các di sản, bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc gắn với phát triển du lịch; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2030:

+ Thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1,0% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030.

+ Không còn thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Có 70% số xã trở lên đạt chuẩn NTM; có 12% số xã trở lên đạt chuẩn NTM hiện đại *(chi tiết tại phụ lục I)*.

+ Có thêm 200 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 4 sản phẩm đạt 5 sao.

2. Các nội dung triển khai thực hiện

2.1. Hợp phần thứ nhất

2.1.1. Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững

- Hoàn thiện quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm

2050. Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội *(KT-XH)* của xã; Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.

- Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng NTM trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Phấn đấu đến năm 2030, có 100% số xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030.

2.1.2. Phát triển hạ tầng KT-XH nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đầu tư, duy tu, bảo dưỡng, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng KT-XH ở nông thôn *(giao thông, thủy lợi, phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, hệ thống lưới điện, thông tin, truyền thanh cơ sở, truyền hình, hạ tầng thương mại nông thôn, cơ sở vật chất giáo dục, văn hóa, y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt, hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất, ổn định dân cư...)* ở các xã đáp ứng Bộ tiêu chí xã NTM, NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030, trong đó ưu tiên các xã khó khăn, an toàn khu *(ATK)*, vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác các công trình đảm bảo bền vững, khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương.

- Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại khu vực có nguy cơ rủi ro do thiên tai cao.

Phấn đấu đến năm 2030, phấn đấu có trên 70% số xã đạt tiêu chí số 02 về Hạ tầng KT-XH thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030; 100% xã, thôn, xóm vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH và đời sống của người dân.

2.1.3. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường

Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng KT-XH, trong đó tập trung vào:

- Thúc đẩy phát triển các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất tập trung theo lợi thế, thế mạnh của các tiểu vùng sinh thái; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất gắn với mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với áp dụng các quy trình kỹ thuật, quy chuẩn và cấp mã vùng sản xuất.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể *(hợp tác xã, tổ hợp tác)*, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân *(trang trại, hộ sản xuất kinh doanh)* ở địa phương; bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống; phát triển các sản phẩm theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm *(Chương trình OCOP)* gắn với tiềm năng, lợi thế, đặc trưng văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng trong xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững *(GNBV)* và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tạo ra chuỗi giá trị và sinh kế bền vững.

- Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào nông nghiệp, chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm. Hình thành hệ thống trung tâm kết nối tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các chợ đầu mối hoặc trung tâm cung ứng hàng nông sản.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, ATK; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

Phấn đấu đến năm 2030 thu nhập bình quân người dân khu vực nông thôn tăng từ 2,5 - 3 lần so với năm 2020, thu nhập của người dân vùng đồng bào DTTS&MN tối thiểu bằng 1/2 thu nhập bình quân cả nước; toàn tỉnh có trên 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí thu nhập, trong đó có trên 12% số xã đáp ứng yêu cầu về thu nhập đối với xã NTM hiện đại.

2.1.4. Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

- Đào tạo nghề cho lao động theo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp trong tỉnh, ưu tiên lao động nông nghiệp, nông thôn; có chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào DTTS;

- Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm tại chỗ cho lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân vùng đồng bào DTTS; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện sinh kế bảo đảm GNBV.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn sang các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

2.1.5. Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý KT-XH chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hành chính công nói riêng;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp *(tỉnh, xã)*; thúc đẩy quá trình số hóa, công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật, trợ giúp pháp lý cho người dân, thực hiện tốt hòa giải mâu thuẫn ở cơ sở.

2.1.6. Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình "thôn thông minh".

- Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng NTM, phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

2.1.7. Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn

- Tăng cường công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, làng nghề; xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp phù hợp; khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải quy mô hộ gia đình, nhóm hộ gia đình quy mô cấp thôn. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng DTTS&MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình.

- Thực hiện hiệu quả đề án phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, trên địa bàn nông thôn. Tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp,...; tiếp tục phát động và duy trì các phong trào nói không với rác thải nhựa; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa. Nhất là việc thu gom, xử lý rác thải vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; tăng cường trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong việc duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên.

- Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; xây dựng các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường, hình thành các mô hình sản xuất sinh thái, an toàn với môi trường… Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm đối với mọi tổ chức và người dân.

2.1.8. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị- xã hội tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030.

+ Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phản biện việc triển khai các chương trình, dự án trong xây dựng NTM, GNBV và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trong cộng đồng dân cư, đảm bảo chính sách hỗ trợ đến đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí.

+ Hàng năm Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ trì tổ chức phát động quyên góp ủng hộ Quỹ "An sinh xã hội" góp phần cùng cả nước triển khai thực hiện phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau". Phối hợp hướng dẫn người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương *(trồng trọt, chăn nuôi, du lịch cộng đồng...)*; hỗ trợ vay vốn, đào tạo nghề, tạo việc làm, cho thanh niên và phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Đặc biệt các chương trình khởi nghiệp cho phụ nữ, thanh niên làm kinh tế thông qua triển khai hiệu quả Chương trình Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM. Triển khai hiệu quả phong trào "nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng".

+ Phối hợp triển khai các phong trào thi đua: Xây dựng NTM gắn với thực hiện xây dựng "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc", "Gia đình văn hóa", "Khu dân cư văn hóa" , "Xã đạt chuẩn NTM". Tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM theo phương châm: dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

2.1.9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn;

- Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp", hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn

dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

2.1.10. Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua xây dựng dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp.

- Tiếp tục tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN ở các cấp đặc biệt là cấp cơ sở.

- Đẩy mạnh, đa dạng hình thức truyền thông giúp nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về thực hiện Chương trình.

2.2. Hợp phần thứ hai

2.2.1. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã ATK.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn *(xóm, bản)* vùng đồng bào DTTS&MN; giữ gìn, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các DTTS; bảo tồn không gian văn hóa làng, bản truyền thống của các DTTS.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình đặc thù phục vụ phát triển KT-XH gắn với quy hoạch và bố trí sắp xếp ổn định dân cư trên địa bàn các xã ATK.

2.2.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN

- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ phát triển vùng trồng cây chủ lực, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN gắn với tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN;

- Bảo tồn, khai thác giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

2.2.3. Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường học vùng đồng bào DTTS&MN, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy, có chính sách đặc thù hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc vùng đồng bào DTTS&MN;

- Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy tiếng DTTS; kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức; đối với lực lượng công an, quân đội, căn cứ tình hình thực tiễn xác định đối tượng phù hợp để bồi dưỡng;

- Đảm bảo bình đẳng giới, đặc biệt là quyền của của phụ nữ và trẻ em; chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết ở vùng đồng bào DTTS&MN;

- Triển khai Chương trình cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: các đơn vị Quân đội nhận nuôi, hỗ trợ, giúp đỡ các em trong độ tuổi đi học *(từ lớp 1 đến lớp 12)* là người vùng đồng bào DTTS&MN có hoàn cảnh khó khăn.

2.2.4. Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

Cùng với các chính sách của Trung ương, có chính sách đặc thù của tỉnh ưu tiên hỗ trợ, phát triển vùng đồng bào DTTS&MN.

2.2.5. Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục pháp luật cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN thông qua ứng dụng các nền tảng công nghệ số.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò truyền thông của các chức sắc, trưởng bản, cá nhân là người DTTS có uy tín tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Phát triển kỹ năng số cơ bản cho vùng đồng bào DTTS&MN thông qua các hoạt động tổ công nghệ cộng đồng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân; nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua

- Các cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và các quy định cụ thể của tỉnh trong tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư về việc tổ chức thực hiện Chương trình, chú trọng ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia tự giác của người dân và cộng đồng.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cập nhật các nội dung, quy định mới, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện Chương trình ở các cấp, đặc biệt là ở cấp xã, thôn; đẩy mạnh ứng

dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung và mục tiêu của Chương trình.

- Mở rộng triển khai các hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác trong thực hiện Chương trình thông qua việc tổ chức và tham dự các hội nghị, hội thảo, các đoàn công tác đi trao đổi kinh nghiệm về thực hiện Chương trình.

- Đẩy mạnh triển khai lồng ghép cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua: "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN" giai đoạn 2026-2030; "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"... để phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân nông thôn, lấy phục vụ lợi ích cho cư dân nông thôn làm động lực trong thực hiện Chương trình; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng. Đồng thời, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân, những điển hình tiên tiến, có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình để nhân ra diện rộng.

3.2. Kiện toàn bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình ở các cấp

- Hoàn thiện hệ thống quản lý, giúp việc Chương trình ở các cấp: Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình; kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM tỉnh theo hướng chuyên trách, ổn định lâu dài; rà soát, kiện toàn Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, Ban giám sát cộng đồng xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế, bất cập; thực hiện nghiêm việc đánh giá, thẩm tra, thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại; công khai, khách quan trong đánh giá, bình xét, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo quyền tiếp cận các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong thực hiện chủ trương, cơ chế chính sách và huy động, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình. Hoàn thiện, vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện và từng bước ứng dụng chuyển đổi số trong kiểm tra, giám sát, đánh giá đáp ứng yêu cầu quản lý của Chương trình.

- Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo sự chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý các hoạt động của Chương trình. Kiên trì nguyên tắc mọi việc đều phải bàn kỹ ở nhân dân, ở cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao, để người dân thực sự vào cuộc triển khai thực hiện.

3.3. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình đảm bảo đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững

- Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn tại Ninh Bình để triển khai thực hiện

Chương trình, trong đó trọng tâm là chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn; Quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; quy định cụ thể Bộ tiêu chí xã NTM, NTM hiện đại; Triển khai các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh;... Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, đặc biệt là cơ chế chính sách phân cấp thực hiện; cơ chế huy động nguồn lực xã hội xây dựng NTM, GNBV, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN; cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn,...

- Tổ chức rà soát, cập nhật các chính sách của Trung ương về nông nghiệp, xây dựng NTM, GNBV và phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN. Xác định rõ phạm vi, đối tượng, điều kiện được hưởng thụ, nguồn kinh phí thực hiện chính sách. Triển khai, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện; đồng thời quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, hoàn thành dứt điểm, tránh phát sinh nợ xây dựng cơ bản và thanh quyết toán kịp thời, đúng theo các chế độ, quy định hiện hành của pháp luật.

3.4. Tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực; xã hội hóa nguồn lực đóng góp tham gia thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tự nguyện

- Bố trí ngân sách các cấp và huy động, lồng ghép các nguồn lực từ các Chương trình MTQG khác để thực hiện hiệu quả Chương trình.

- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển, hỗ trợ sau đầu tư và được ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật; các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư, các hợp phần của Chương trình.

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc tham gia đóng góp tự nguyện để thực hiện Chương trình đảm bảo theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

3.5. Hoàn thiện quy hoạch và hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn

- Tập trung hoàn thiện quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch cấp xã và quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo tính đồng bộ và liên kết và tích hợp với các quy hoạch khác và phù hợp với tình hình KT-XH của địa phương; Ban hành quy chế quản lý quy hoạch xây dựng NTM.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn của tỉnh đảm bảo đồng bộ, hiện đại theo tiêu chí trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, có tính kết nối, tầm nhìn dài hạn, chú trọng giá trị nghệ thuật kiến trúc, mỹ quan công cộng, lịch sử truyền thống, bản sắc của địa phương. Tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; giao thông; điện; cấp nước; thoát nước; thu gom, xử lý triệt để nước thải, rác thải đô thị, nông thôn nhằm cải thiện môi trường.

- Đẩy nhanh hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, các dịch vụ công cộng khu vực nông thôn, phát triển hài hòa giữa các vùng miền, giữa đô thị và nông thôn. Chú trọng đầu tư các thiết chế văn hóa mang tính biểu tượng, khẳng định bản sắc văn hóa địa phương. Bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên tạo động lực cho phát triển du lịch.

- Đầu tư đồng bộ hạ tầng xanh, nhất là trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đường giao thông, ven sông, kênh, công viên đất ngập nước, khu dự trữ sinh quyển, bãi ngang, thúc đẩy lâm nghiệp đô thị nhằm tạo cảnh quan đô thị di sản và điều hòa khí hậu. Cây xanh trong không gian công cộng được trồng, bảo vệ, phân loại và bố trí theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn, phù hợp với chức năng từng khu vực, đảm bảo môi trường sinh thái, hài hòa, sinh động, tạo nét đặc trưng cho đô thị di sản. Ưu tiên sử dụng vật liệu xanh cho các công trình công cộng.

3.6. Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất và kinh tế nông thôn góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân theo hướng bền vững

- Phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, sạch, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp đặc sản, đặc hữu, trong đó ưu tiên các dự án theo chuỗi khép kín, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số.

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với tăng trưởng xanh. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, khác biệt của từng vùng, miền, địa phương trong tỉnh, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển, bảo tồn giống bản địa có giá trị cao; đẩy mạnh sản xuất giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu dịch bệnh. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành, quản lý an toàn thực phẩm, quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi. Xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong sản xuất kinh doanh và an toàn thực phẩm.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo quy mô trang trại, gia trại thân thiện môi trường; tập trung phát triển nuôi trồng thuỷ sản, đặc biệt là thuỷ sản nước lợ, nuôi biển; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá. Tăng cường quản lý, bảo vệ phát triển rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái kết hợp với phát triển kinh tế từ rừng để tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống người dân. Đẩy mạnh xã hội

hoá, phát triển thị trường carbon, tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tổ chức sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, phát thải thấp.

- Phát triển ngành nghề nông thôn, các cụm công nghiệp, bảo tồn, phát triển các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm *(OCOP)* giai đoạn 2026-2030.

3.7. Nâng cao đời sống văn hóa, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Lồng ghép hiệu quả với các Chương trình MTQG khác *(Chương trình MTQG về phát triển văn hóa; giáo dục và đào tạo; y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân)* để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu về văn hóa, giáo dục, y tế nhất là tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS&MN, các xã gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn lực; khuyến khích và mở rộng hoạt động hợp tác, kết nghĩa giữa các địa phương trong thực hiện Chương trình; khuyến khích các hoạt động tạo việc làm tại chỗ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn khó khăn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện sinh kế bảo đảm GNBV góp phần hoàn thiện các tiêu chí NTM, NTM hiện đại, các nội dung thành phần của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

3.8. Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, cải tạo cảnh quan nông thôn và giữ vững an ninh trật tự xã hội

- Tăng cường các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, hiện đại, hợp lý và giữ gìn được những nét đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền thống. Tiếp tục phát triển và nhân rộng các mô hình đường hoa - cây xanh, mô hình khu dân cư, thôn kiểu mẫu; tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm, đẩy mạnh các phong trào "5 không, 3 sạch", "nhà sạch vườn đẹp", "phong trào nói không với rác thải nhựa"…

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường nông thôn đáp ứng các yêu cầu về phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; Đẩy mạnh các giải pháp ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến để giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn *(đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học, ...)*, các giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề, nhất là ở những cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc cụm công nghiệp, làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch tập trung; nâng cao tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt ở nông thôn.

- Tập trung xử lý các điểm nóng về an ninh trật tự xã hội ở nông thôn; xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tiêu chí an

ninh, trật tự trong thực hiện Chương trình; đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn nông thôn; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng trong giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội ở nông thôn. Quan tâm củng cố, xây dựng lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở, đủ số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

4. Nguồn lực thực hiện Chương trình

Nguồn lực thực hiện Chương trình do ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ các Sở, ban, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành của tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Quyết định phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh[1] và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh *(chi tiết tại phụ lục II)*. Một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan Thường trực Chương trình trên địa bàn tỉnh; Chủ trì thực hiện hợp phần thứ nhất, phối hợp với Sở Nội vụ trong triển khai hợp phần thứ hai của Chương trình.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu giúp Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý của tỉnh theo thẩm quyền được giao, quy định cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện và điều phối thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030 phù hợp quy định của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã tổng hợp, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; phương án phân bổ, giao kế

[1] Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các sở, ngành, đơn vị phụ trách các Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030 và phụ trách các nội dung thành phần thuộc Chương trình giai đoạn 2026-2030.

hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh; phân công nhiệm vụ đối với các sở, ngành, đoàn thể, các xã trong việc tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM và các nội dung thành phần Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương quản lý, giám sát, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương bố trí quỹ đất cho phát triển hạ tầng thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo quy hoạch.

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc hướng dẫn lựa chọn chủng loại cây và khoảng cách trồng cây trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh đáp ứng tiêu chí cây xanh trên các tuyến đường tỉnh.

1.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì thẩm định các dự thảo báo cáo, văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Chương trình; tham gia công tác tổ chức các hội nghị, chương trình làm việc, kiểm tra, giám sát của Lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh đối với Chương trình.

- Phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện công tác thông tin báo chí, truyền thông về Chương trình trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

1.3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí, phân bổ vốn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện Chương trình; tham mưu lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi, địa bàn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

1.4. Sở Nội vụ

- Chủ trì thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình: Các nội dung đặc thù phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính; thực hiện tốt các nội dung của chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh *(PAPI)*.

- Chủ trì tham mưu triển khai có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN" giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh**.**

1.5. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc các xã lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung và quản lý thực hiện theo quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn lựa chọn chủng loại cây và khoảng cách trồng cây trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh.

1.6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 thúc đẩy hoàn thành các tiêu chí về phát triển giáo dục, đào tạo nghề trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030.

1.7. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Chương trình tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể và mỗi người dân; đặc biệt là tuyên truyền cho mỗi người dân khu vực nông thôn nhận thức rõ vai trò chủ thể, hiểu được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Biên tập, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, phóng sự, chương trình truyền thanh về xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN phục vụ công tác thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh.

- Lồng ghép hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 thúc đẩy hoàn thành các tiêu chí về văn hóa và thiết chế văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030.

1.8. Sở Y tế

Lồng ghép hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG về y tế, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 thúc đẩy hoàn thành các tiêu chí về y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030.

1.9. Sở Công thương

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong công tác triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu nhằm hỗ trợ tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của tỉnh ra thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng và phát triển thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước để khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chất lượng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất thuộc chương

trình OCOP thực hiện nghiêm túc việc ghi nhãn hàng hóa, công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm theo quy định. Tham gia thẩm định về công nghệ đối với các dự án sản xuất, đảm bảo ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tiết kiệm, không ô nhiễm môi trường, năng suất cao, sản phẩm sạch, an toàn để phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đầu tư nâng cấp hạ tầng, mở rộng cung ứng dịch vụ ở nông thôn.

1.11. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật đảm bảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở tất cả các xã đều được tiếp cận và trợ giúp pháp lý. Thẩm định các văn bản, cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến Chương trình theo quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.

1.12. Sở Du lịch

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa; triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về du lịch nông thôn theo quy định của Trung ương; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng sản phẩm du lịch nông thôn, đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng tham gia hoạt động du lịch; tăng cường quảng bá, xúc tiến và kết nối tour, tuyến du lịch gắn với các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

1.13. Công an tỉnh

Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo an ninh, trật tự trong xây dựng NTM, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; đổi mới phương pháp, nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự góp phần xây dựng NTM; tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn, chỉ đạo công an các địa phương nắm chắc địa bàn, không để bị động về công tác an ninh trật tự, giữ vững an ninh nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn nông thôn; bảo đảm điều kiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng nòng cốt trong đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn.

1.14. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp". Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào "Quân đội chung sức xây dựng NTM" trên địa bàn tỉnh.

1.15. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực 7

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chính sách tín dụng của các ngân

hàng thương mại tham gia thực hiện Chương trình. Phối hợp các sở, ngành liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh.

1.16. Văn phòng Điều phối NTM tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, NTM hiện đại đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030; thực hiện hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm *(OCOP)* giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với các sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với các đơn vị, địa phương trong triển khai Chương trình; thực hiện kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tổ chức giao ban định kỳ với các xã phấn đấu đạt chuẩn hàng năm.

- Hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ, thẩm tra, thẩm định xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại; Tổ chức xét, phân hạng sản phẩm OCOP thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh.

- Nghiên cứu đề xuất ứng dụng chuyển đổi số trong thẩm tra, thẩm định các tiêu chí t rong xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về Chương trình cho đội ngũ cán bộ phụ trách thực hiện Chương trình ở địa phương.

- Tham mưu ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận thôn NTM; hoàn thiện hồ sơ thủ tục xét, công nhận xã NTM, xã NTM hiện đại và hồ sơ tỉnh Ninh Bình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi đủ các điều kiện theo quy định.

1.17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Báo và Phát thanh truyền hình Ninh Bình và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua *"Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030"* gắn với thực hiện Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh";* tăng cường công tác tuyên truyền, vận động khơi dậy tinh thần đoàn kết, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sự đóng góp nguồn lực tham gia thực hiện, giám sát thực hiện Chương trình theo hướng lựa chọn phụ trách nội dung, lĩnh vực, mô hình cụ thể, thiết thực, trên cơ sở đó tập trung chỉ đạo theo chiều sâu.

- Hướng dẫn, đôn đốc Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các xã phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện Chương trình; nâng cao chất lượng và tăng cường tuyên truyền theo từng chủ đề, nhóm tiêu chí, những cách làm hay, mô hình hiệu quả và các gương điển hình trong thực hiện Chương trình.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc lấy ý kiến đánh giá về sự hài lòng của người dân về kết quả thực hiện Chương trình.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an", các đề án, mô hình do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động, giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

- Hội Nông dân tỉnh tổ chức triển khai hiệu quả Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và GNBV"; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự", "5 cùng"; triển khai thực hiện các đề án, mô hình do Trung ương Hội nông dân Việt Nam phát động.

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tổ chức triển khai hiệu quả các phong trào và Chương trình hỗ trợ thanh niên như: Tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, Thanh niên khởi nghiệp; trí thức trẻ tình nguyện tham gia thực hiện Chương trình...

- Báo và phát thanh truyền hình Ninh Bình xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thông tin, tuyên truyền; tăng cường thời lượng, chất lượng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự phản ánh kịp thời đầy đủ tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện, các mô hình hay, cách làm sáng tạo, các điển hình trong xây dựng NTM, GNBV, phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Ủy ban nhân dân các xã

- Căn cứ vào kế hoạch, mục tiêu của tỉnh về Chương trình và điều kiện thực tế của xã chủ động ban hành kế hoạch thực hiện chương trình trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; Hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức, phối hợp thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Chương trình trên phạm vi địa bàn quản lý.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo xã, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, Ban giám sát cộng đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, ban, cơ quan, đoàn thể, gắn rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình và Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030.

- Bố trí nguồn lực từ ngân sách xã, lồng ghép các chương trình, dự án khác với thực hiện Chương trình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện trên địa bàn, nhất là về cơ chế, chính sách sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ thực hiện Chương trình.

- Chú trọng công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế. Quan tâm xây dựng, chỉnh trang cảnh quan môi trường

nông thôn. Đẩy mạnh việc trồng và chăm sóc hoa, cây xanh tại các tuyến đường xã, đường thôn và tại các điểm công cộng;

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh *(qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)* để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và PT-TH Ninh Bình;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP3,2.

LNT_KH2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tiêu chí, nhóm xã	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030					
		Đến năm 2030	Chi tiết từng năm				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	**Xã đạt chuẩn NTM**	**68**	**0**	**15**	**21**	**18**	**14**
1	Xã nhóm 1	46	0	10	14	12	10
2	Xã nhóm 2	22	0	5	7	6	4
3	Xã nhóm 3	0	0	0	0	0	2
II	**Xã đạt chuẩn NTM hiện đại**	**12**	**0**	**0**	**3**	**4**	**5**

Phụ lục II

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	**Xây dựng hệ thống văn bản và tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030**				
1	- Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15; - Điểm c Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; - Điểm c Tiểu mục 10 Mục III Kế hoạch kèm theo Nghị quyết 424/NQ-CP; - Điểm a Khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
2	Điểm a Khoản 2 Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
3	Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, phương án lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình MTQG	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
4	Điểm a Khoản 2 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm sử dụng vốn ngân sách trung ương.	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
5	Điểm d Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các	Quý IV năm 2026

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
				xã	
6	Điểm d Khoản 3 Điều 3; phụ lục III Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số điều kiện đối với tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý III năm 2026
7	- Điểm a, c Khoản 3 Điều 3; phụ lục I và phụ lục II Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg; - Điểm d Khoản 10 Mục III Kế hoạch kèm theo Nghị quyết 424/NQ-CP.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số tiêu chí xã NTM và tiêu chí xã NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030 theo nhóm xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý III năm 2026
8	- Điểm b Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg; - Điểm d Khoản 10 Mục III Kế hoạch kèm theo Nghị quyết 424/NQ-CP.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách xã thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 để áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý II năm 2026
9	- Điểm đ Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí thôn NTM giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý III năm 2026
10	- Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15; - Điểm b Khoản 2 Điều 6, Khoản 3 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; - Điểm b Khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
11	- Điểm a, c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; - Khoản 2 Mục VI Chương trình kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT.	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý II năm 2026
12	- Điểm a, c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP - Khoản 2 Mục VI Chương trình kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT.	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030 cấp xã; Ban phát triển thôn (xóm, bản) theo quy định.	Ủy ban nhân dân các xã		Quý II năm 2026
13	Điều 17 và Điểm a Khoản 2 Điều 56 Nghị định số	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về tiêu chí thiết	Sở Xây dựng	Các sở, ngành có	Quý II năm 2026

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	358/2025/NĐ-CP.	kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù		liên quan, các xã	
14	Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định danh mục loại dự án đặc thù; tiêu chí tổng mức đầu tư tối đa của một dự án theo từng loại dự án đặc thù	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm 2026
15	Khoản 5 Điều 20 và Điểm b Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý III năm 2026
16	Điều 22 và Điểm c Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình bảo trì mẫu cho công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân	Sở Xây dựng	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý III năm 2026
17	Điểm d Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ thông tin, báo cáo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý IV năm 2026
18	- Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15; - Điều 6 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; - Điểm b Tiểu mục 10 Mục III Kế hoạch kèm theo Nghị quyết 424/NQ-CP.	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý II năm 2026
19	- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; - Khoản 1 Điều 41; Khoản 1 Điều 42 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT.	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thư hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý III năm 2026
20	- Điểm h Tiểu mục 1.10.1 Mục III, Chương trình kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT;	Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã	Quý IV năm 2026

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	- Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN" giai đoạn 2026-2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	XH vùng đồng bào DTTS&MN" tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030			
21	- Điểm b Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP - Theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Kế hoạch đào tạo, tập huấn Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý IV năm 2026
22	Điểm a Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP	Kế hoạch truyền thông về Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ngành, các xã	Quý IV năm 2026
23	- Khoản 4 Điều 48, Khoản 4 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Báo cáo kết quả quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý I năm 2031
24	- Điểm c Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP - Khoản 2 Mục IV Chương trình kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT.	Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Năm 2030
II	**Xây dựng hệ thống văn bản và tổ chức thực hiện Chương trình hằng năm**				
1	- Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; - Điểm b Khoản 2 Điều 7, Điểm b Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách Trung ương, kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
2	- Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; - Điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; - Điểm b Khoản 5 Điều 9	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026.	vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình		sở, ngành có liên quan, các xã	
3	Điểm b Khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình hằng năm	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
4	Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; - Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình hằng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý I hằng năm
5	Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; - Khoản 1 Điều 41; Khoản 1 Điều 42 Thông tư 14/2006/TT-BNNMT.	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh hằng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý I hằng năm
6	- Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15; - Điểm a Khoản 1 Điều 7, Điểm c Khoản 1 Điều 49, Khoản 5 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.	Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước năm thực hiện; đề xuất nhu cầu dự toán chi ngân sách trung ương; đề xuất danh mục và mức vốn đầu tư công; đề xuất mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN định kỳ theo quy định	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV hằng năm
7	- Điểm c Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. - Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030	Báo cáo giữa kỳ Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Năm 2028
8	Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ	Xét, công nhận các xã đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ngành, các	Hằng năm

STT	Căn cứ, quy định chi tiết tại văn bản pháp luật của Trung ương	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	tướng Chính phủ.		Môi trường	xã	
9	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.	Xét, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Hằng năm
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN" giai đoạn 2026-2030.	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua "Cả nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030"	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã	Năm 2030